

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**
Số: 46/2021/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
T, ngày 04 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 32/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A đường B, khu phố C, phường HP, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bà Bùi Thị Ngọc T, sinh năm 1992; địa chỉ: Số A đường B, tổ C, khu phố D, phường PT, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Ngọc T tự nguyện kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Phú, thành phố T, tỉnh Bình Dương; theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61, ngày 13/9/2018 của Ủy ban nhân dân phường Hòa Phú là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, ông H và bà T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc. Nay ông H và bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông H và bà T vẫn giữ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Ngọc T có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 30/5/2019. Ông H và bà T thống nhất giao cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 30/5/2019 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Sự thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

Về vấn đề cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 30/5/2019 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.500.000đ;

bắt đầu thực hiện từ tháng 02/2021 đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Việc thỏa thuận của các đương sự về mức cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp quy định tại các Điều 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Các đương sự phải nộp theo quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và bảo đảm được quyền lợi chính đáng của vợ, con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Ngọc T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 30/5/2019 cho bà Bùi Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 30/5/2019 với mức cấp dưỡng là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ tháng 02/2021 đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Bùi Thị Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn H chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng ông Hồng còn phải nộp tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Nguyễn Văn H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Bùi Thị Ngọc T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của ông Nguyễn Văn H.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Ngọc T mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm

ngàn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016-0051081 ngày 08/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Hòa Phú;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ VDS, VT.

THẨM PHÁN

Huỳnh Ngọc Chung